



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cấp nước Nhà Bè

Ngày 30/09/2025	38,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	11.0%	21.5%	20.4%

DT thuần Q3/25
224
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.0 -4.7%
YoY: ▲ 3.00 1.4%

LN thuần Q3/25
5.29
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.31 -54.4%
YoY: ▼5.31 -50.1%

LN sau thuế Q3/25
3.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.02 -66.0%
YoY: ▼4.96 -61.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
2.3%
YoY: +/-▼ 2.6%

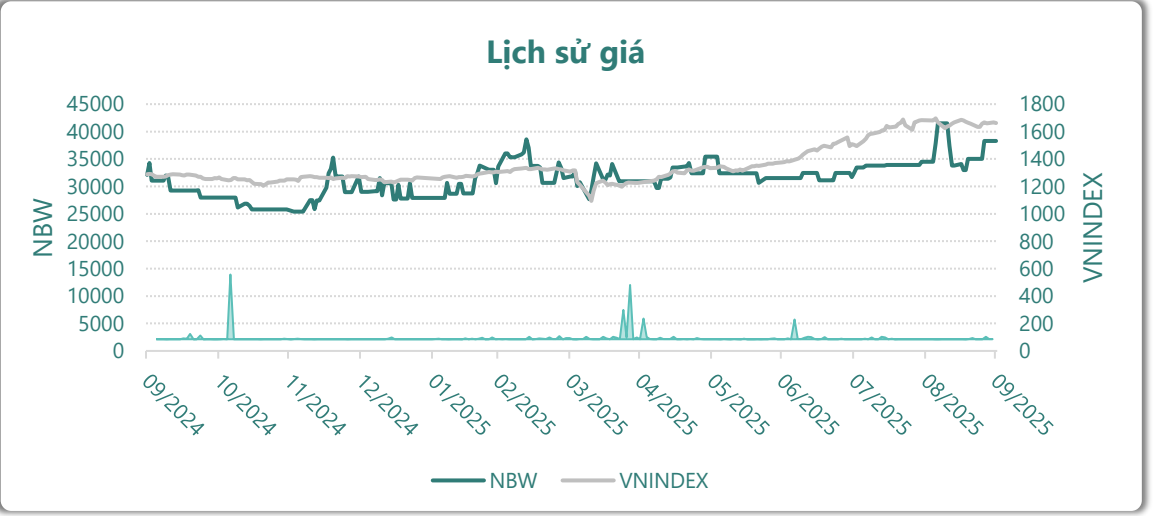
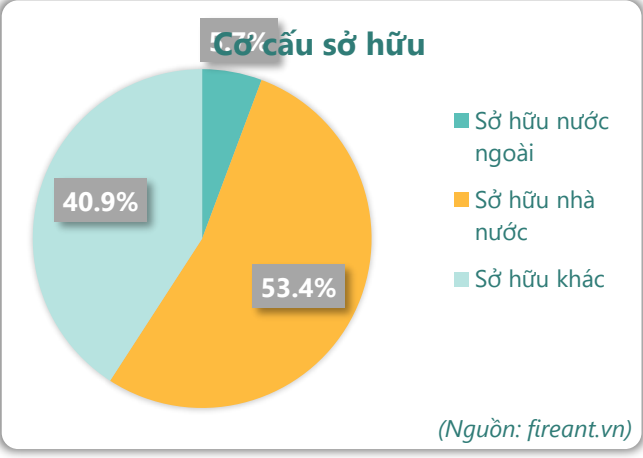
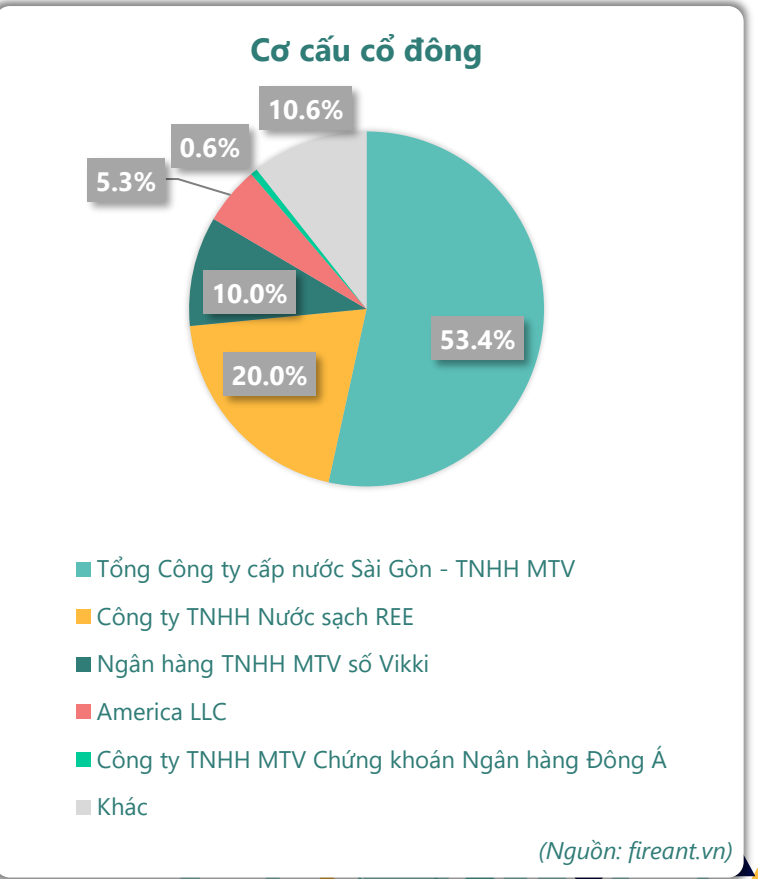
ROE (TTM) Q3/25
17.7%
YoY: +/-▼ 3.5%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	25,401 - 41,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	417
Số lượng CPLH (CP)	10,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	925
Sở hữu nước ngoài	5.7%
Beta	0.56
EPS	2,845
P/E	13.5

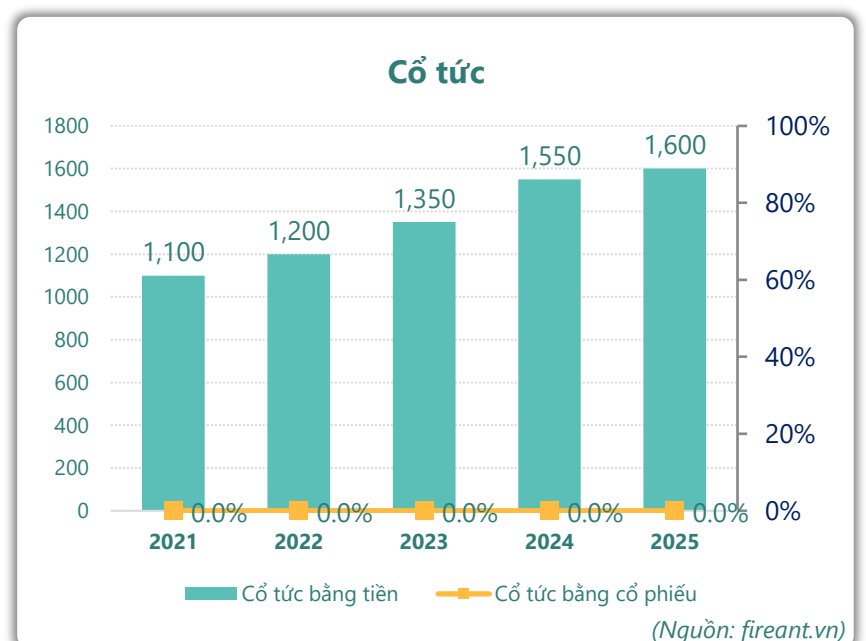
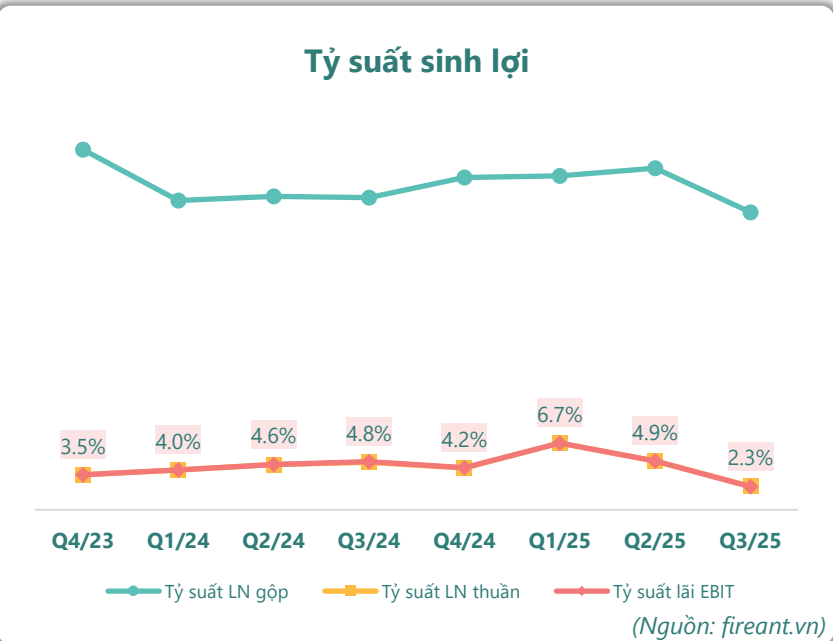
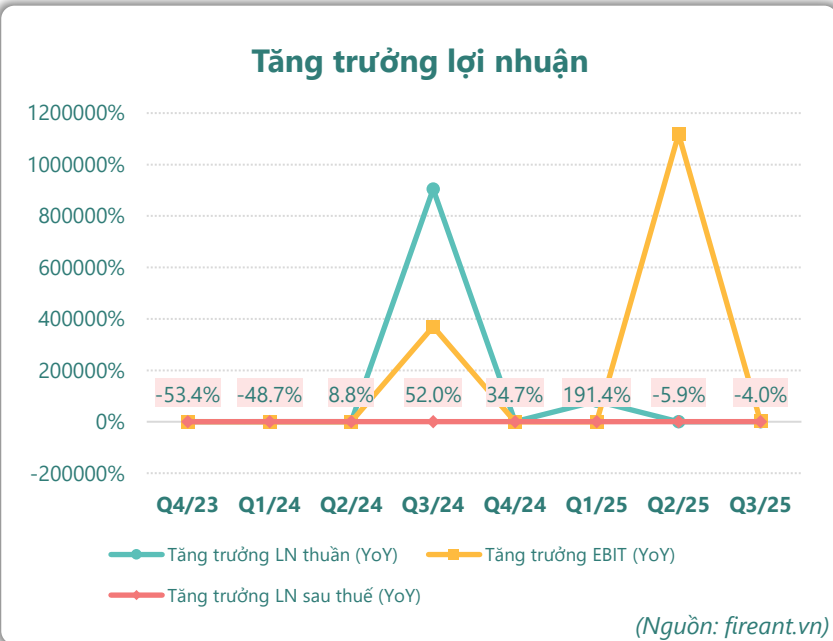
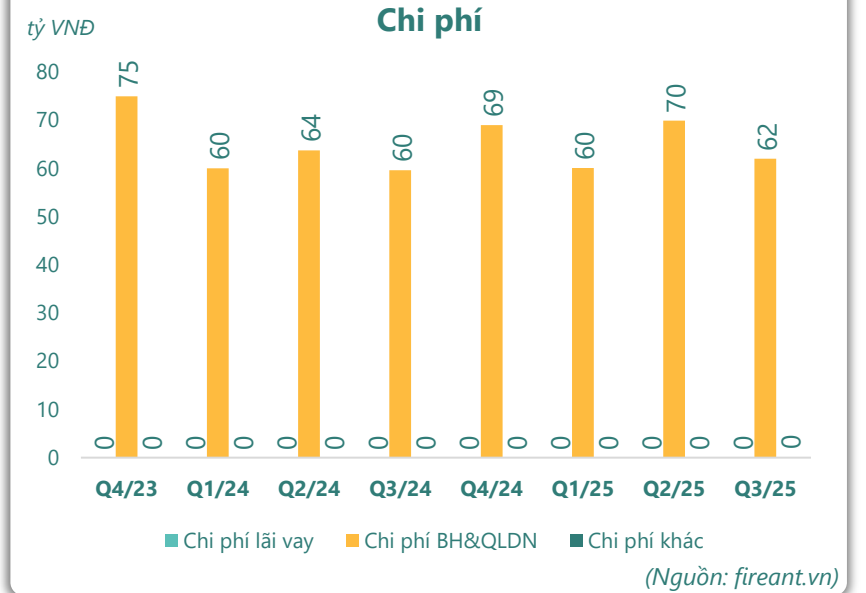
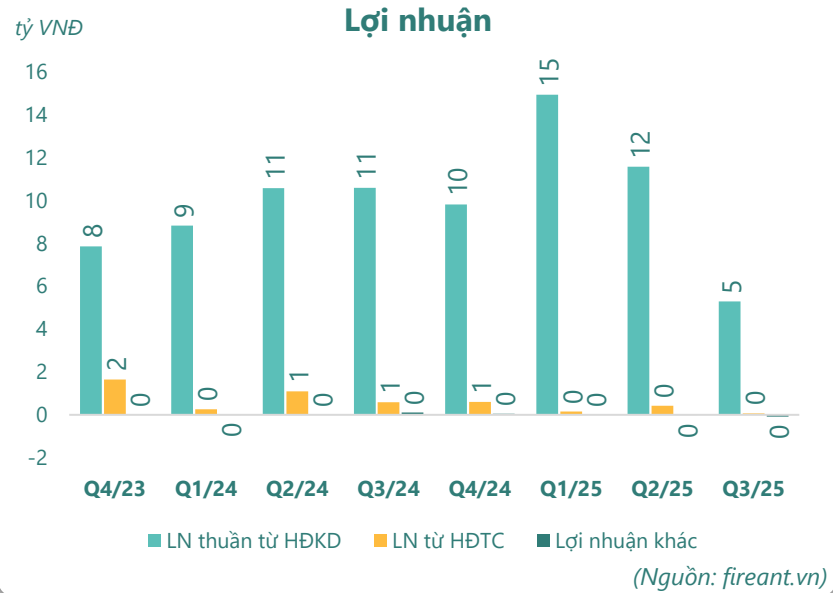
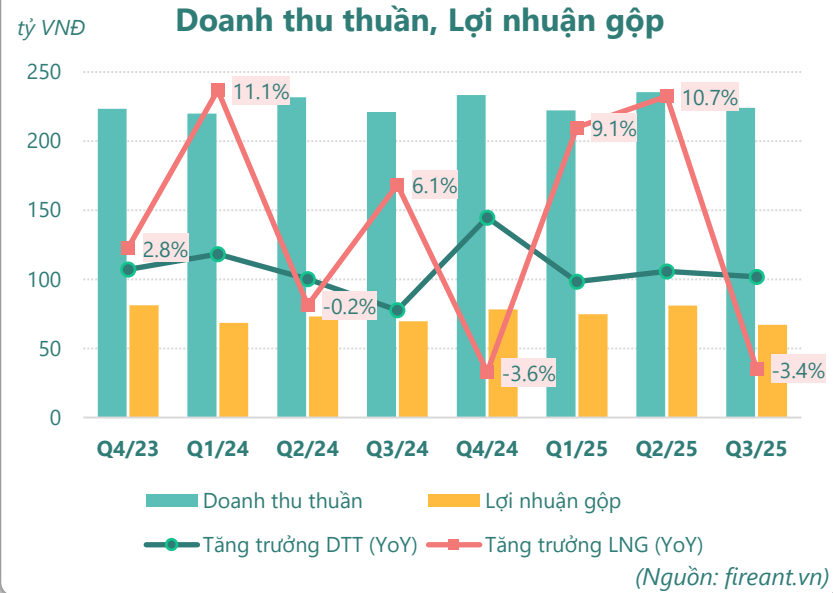
DT thuần 9T 2025
682
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.00 1.3%

LN thuần 9T 2025
31.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.80 6.0%

LN sau thuế 9T 2025
24.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.60 2.6%



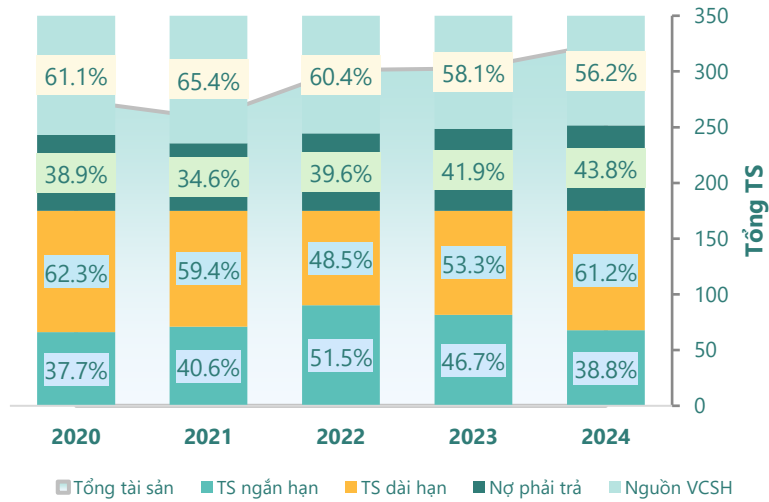
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

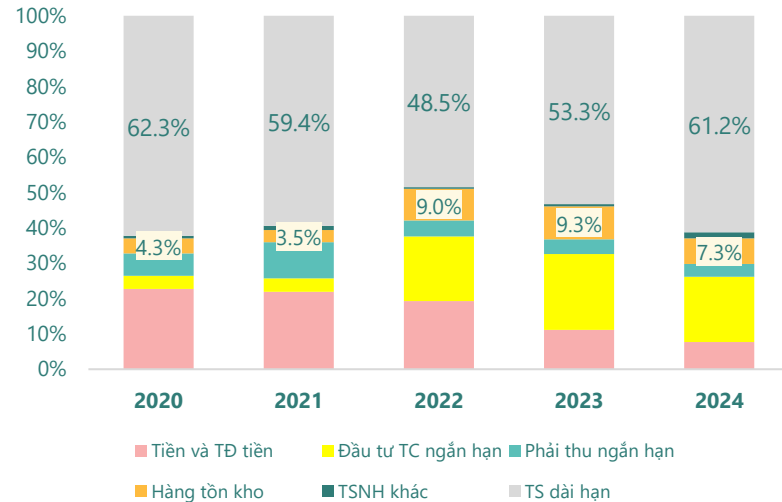
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

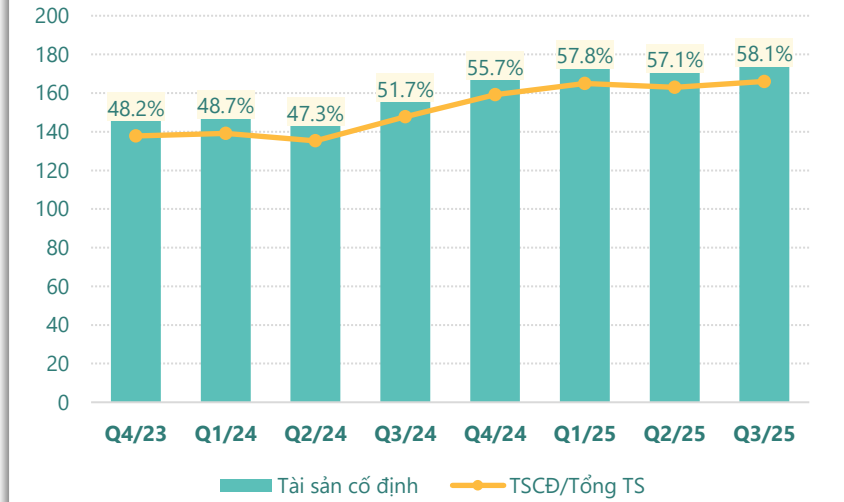
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

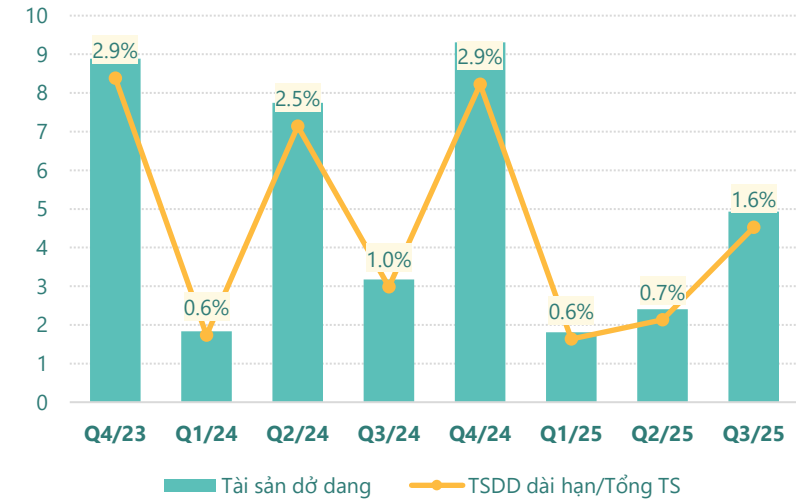
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

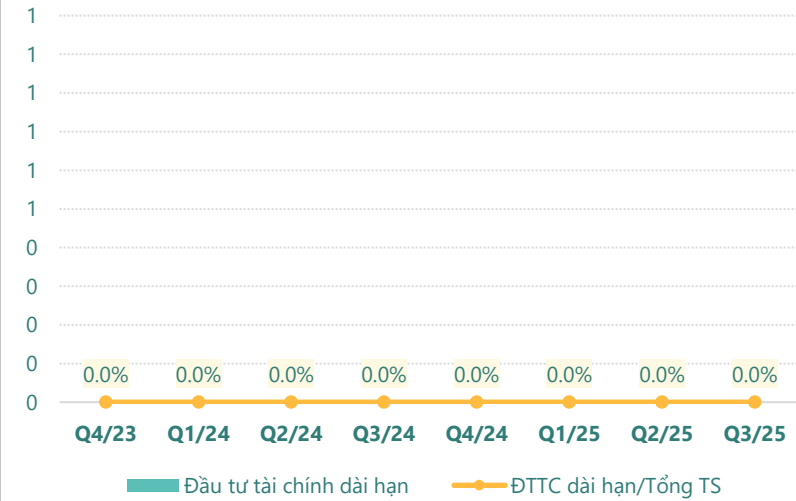
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

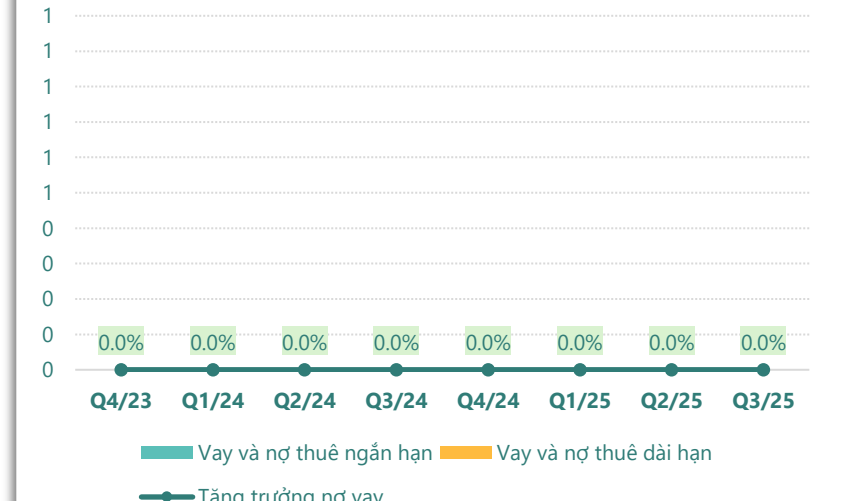
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

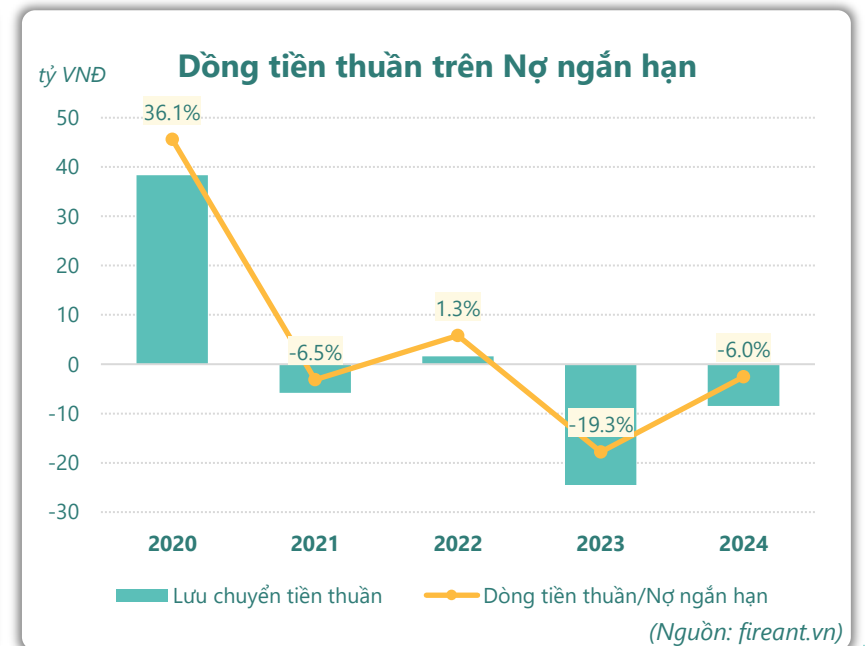
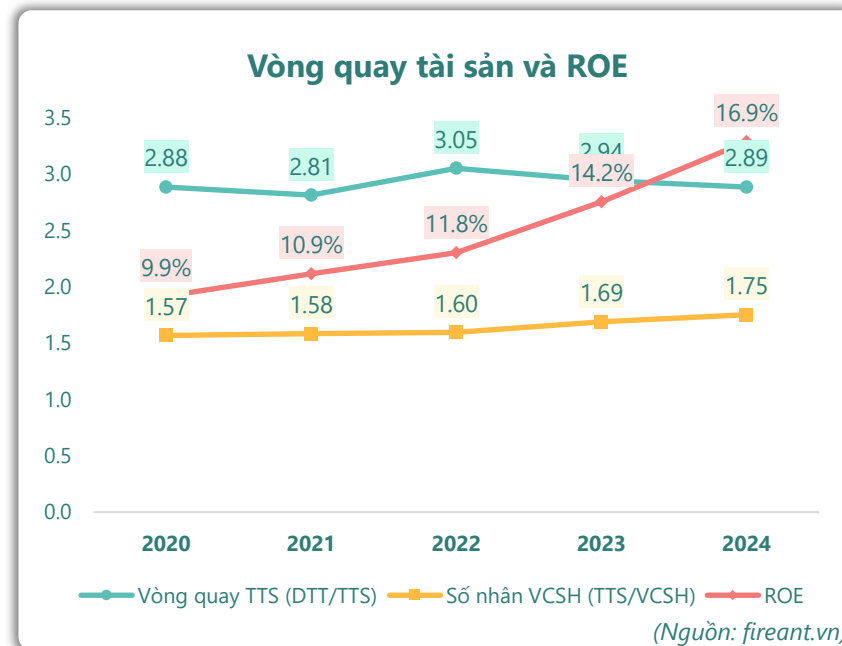
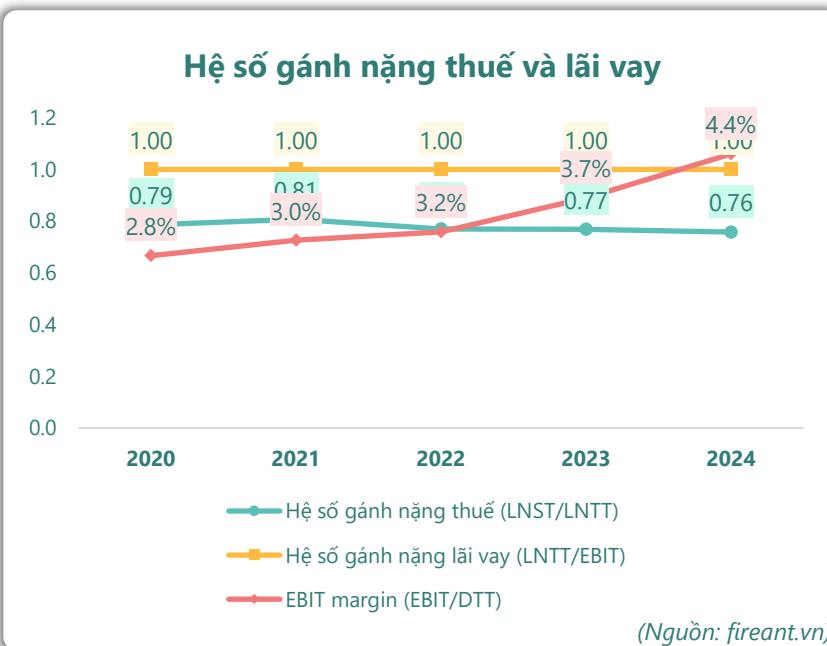
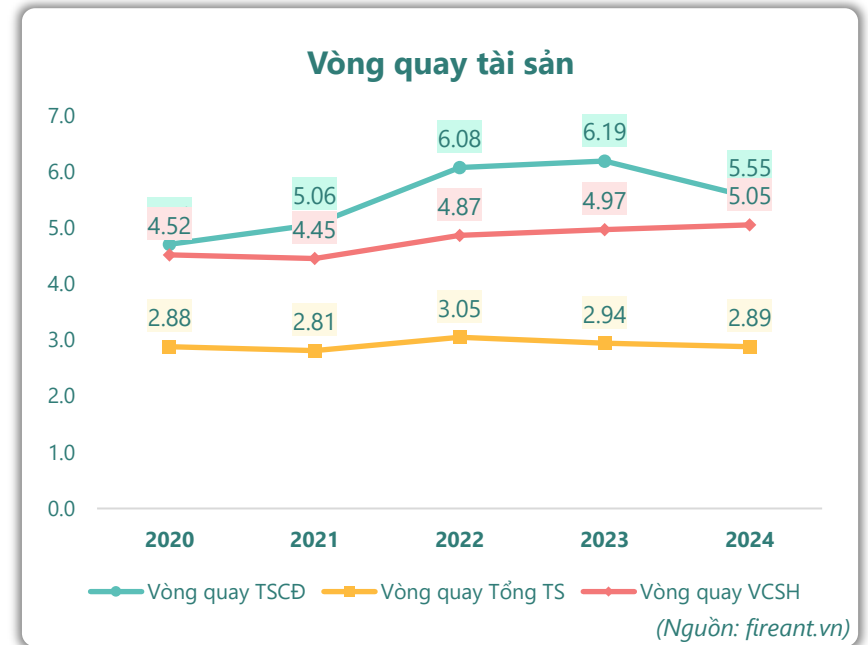
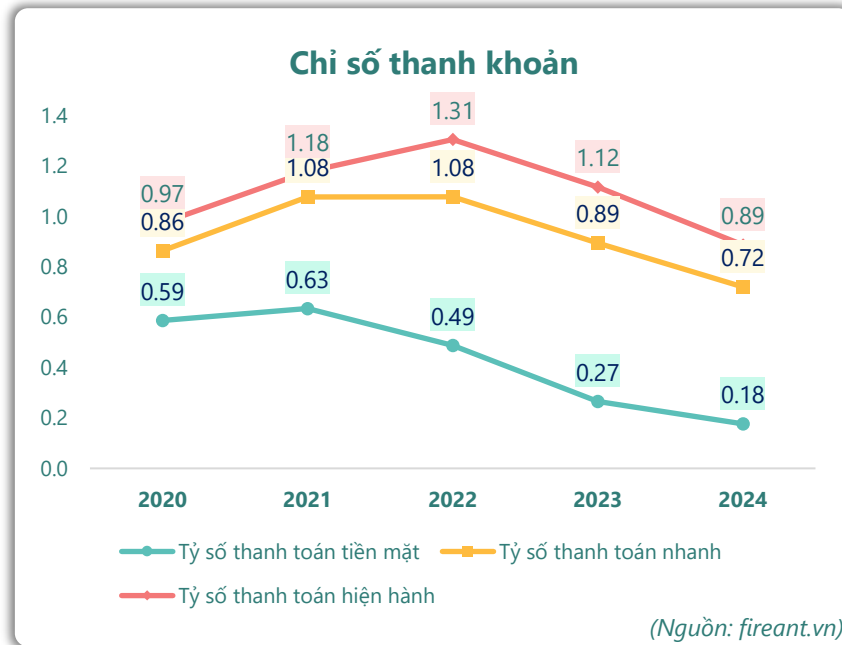
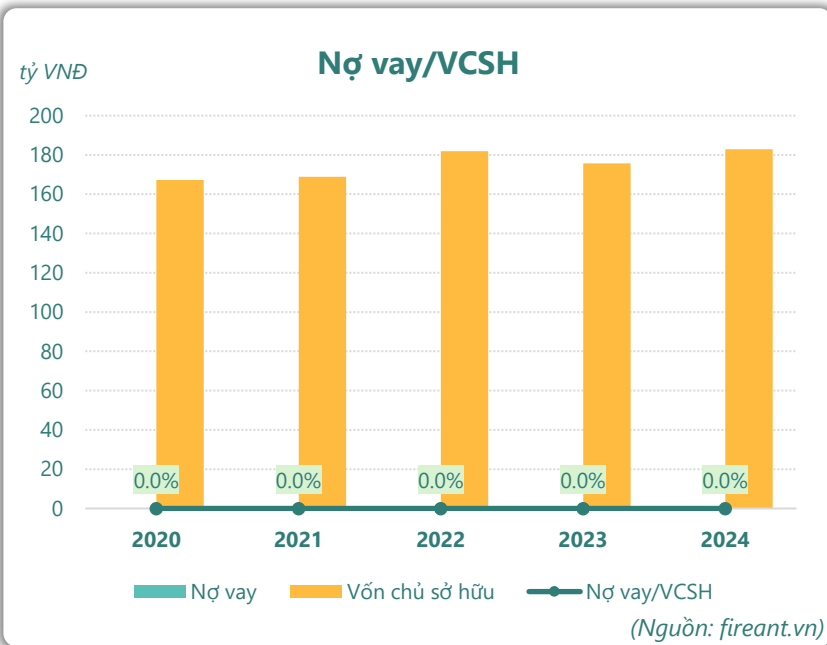
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	224	221	1.4%	682	673	1.3%
Giá vốn hàng bán	157	151	3.8%	459	461	-0.6%
Lợi nhuận gộp	67.2	69.6	-3.4%	223	211	5.5%
Doanh thu HĐTC	0.07	0.59	-88.2%	0.65	1.94	-66.7%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	39.7	42.8	-7.3%	126	124	1.2%
Chi phí QLDN	22.3	16.8	32.9%	66.4	59.2	12.1%
LN thuần từ HĐKD	5.29	10.6	-50.1%	31.8	30.0	6.0%
Lợi nhuận khác	-0.08	0.10	-179%	-0.08	0.12	-164%
LN trước thuế	5.21	10.7	-51.3%	31.7	30.1	5.3%
Lợi nhuận sau thuế	3.11	8.07	-61.5%	24.1	23.5	2.6%
LNST của CĐ cty mẹ	3.11	8.07	-61.5%	24.1	23.5	2.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.17	22.9	30.6	-19.7	18.7	14.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.2	-13.9	-25.2	30.9	-0.56	-8.67
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	-16.8	0.22	0.00	-0.02	-17.4
Tiền đầu kỳ	30.5	27.4	19.5	25.1	36.2	54.3
Lưu chuyển tiền thuần	-3.07	-7.89	5.59	11.1	18.1	-11.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	27.4	19.5	25.1	36.2	54.3	42.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	311	325	-4.4%
Tài sản ngắn hạn	117	126	-7.1%
Tiền và tương đương tiền	42.7	25.1	70.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.0	60.0	-75.0%
Phải thu ngắn hạn	23.6	11.7	102%
Hàng tồn kho	34.7	23.7	46.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.07	5.60	-80.8%
Tài sản dài hạn	194	199	-2.6%
Phải thu dài hạn	0.04	0.04	0.0%
Tài sản cố định	181	180	0.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.93	9.31	-47.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	8.30	9.73	-14.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	136	143	-4.5%
Nợ ngắn hạn	136	142	-4.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	70.0	94.0	-25.5%
Nợ dài hạn	0.30	0.33	-9.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	175	183	-4.2%
Vốn chủ sở hữu	175	183	-4.2%
Vốn điều lệ	109	109	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

